

Bản án số: **10/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 11-01-2023

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị T Thủy; bà Huỳnh Thị Bích Phi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 147/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1974;

- Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam.

Bà T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn bà Đinh Thị T trình bày: Bà và ông Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 1994. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do ông L không có trách nhiệm với gia đình, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu say xỉn về nhà đánh đập bà. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ, mong muốn ông L thay đổi nhưng ông L vẫn chứng nào tật nấy, đánh đập, chửi bới bà nhiều hơn. Không thể chung sống với ông L được nên bà đã bỏ nhà đi, đến nay đã hơn 6 năm; bà và ông L phân ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Bà không còn tình cảm với ông L nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn L. Về con chung: Bà và ông L có 02 người con chung là Lê Công L, sinh ngày 13-7-1995 và Lê Công Tiểu L, sinh ngày 06-10-2001. Các con chung đã thành niên và có khả

năng lao động nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Bà T khai không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Văn L: Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà. Tuy nhiên, ông L không đến Toà án làm việc, cố tình trốn tránh nên Toà án không thể lấy lời khai. Vì vậy, Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo các tài liệu chứng cứ T thập được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng. Nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn thực hiện không đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị T. Về con chung: Các con của bà T và ông L đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết. Về chia tài sản chung; nợ chung: Bà T không yêu cầu nên không đề nghị, giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu được công bố tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Bà Đinh Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn” theo Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Lê Văn L có nơi cư trú tại xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông L đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị T và ông Lê Văn L tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của họ là hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do liên quan đến trách nhiệm làm chồng, làm cha, uống rượu và bạo lực gia đình. Do đó vợ chồng sống ly thân hơn 06 năm nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án tham gia hòa giải, không tham gia phiên toà. Điều đó cho thấy ông L không có thiện chí để hàn gắn quan hệ hôn nhân.

Qua xác minh, đại diện Hội liên hiệp Phụ nữ xã Tam Lộc cung cấp thông tin: vợ chồng ông L, bà T do ghen tuông dẫn đến mâu thuẫn cãi vã, xô xát nhau và bà T đã bỏ nhà đi, không sống chung với ông L hơn 06 năm qua. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà T, ông L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T là đúng quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nuôi con chung: bà Đinh Thị T và ông Lê Văn L có 02 con chung là Lê Công L, sinh ngày 13-7-1995 và Lê Công Tiểu L, sinh ngày 06-10-2001. Các con của ông L, bà T đã trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về nợ chung: Bà T khai không có, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị T.

Về hôn nhân: Cho bà Đinh Thị T ly hôn với ông Lê Văn L.

Về án phí: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà bà T đã nộp theo biên lai T tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0010511, ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- UBND xã Tam Lộc ;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Lê Trung Thành

